

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**  
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Jean - Luc Costa	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Khang	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát:**

Ông Lê Việt Thành	Trưởng ban
Ông Đặng Kỳ Trung	Thành viên
Ông Lê Anh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Henri Gurs	Thành viên

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Lê Văn Thành**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 3 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

---

**Võ Thái Hòa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**Lê Đình Tứ**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU B01-DNBH**  
 Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.085.950.482.757</b>	<b>1.665.780.200.562</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>161.169.416.926</b>	<b>159.355.358.482</b>
1. Tiền	111		116.969.416.926	158.355.358.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.200.000.000	1.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.022.132.787.970</b>	<b>714.418.597.368</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.022.300.847.130	722.201.391.228
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(168.059.160)	(7.782.793.860)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>889.099.613.498</b>	<b>780.711.664.999</b>
1. Phải thu khách hàng	131		512.436.575.671	449.576.732.182
2. Trả trước cho người bán	132		71.469.340.658	54.680.728.202
3. Các khoản phải thu khác	135		332.490.743.802	291.548.170.235
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(27.297.046.633)	(15.093.965.620)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.155.845.788</b>	<b>3.507.647.670</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.155.845.788	3.507.647.670
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.392.818.575</b>	<b>7.786.932.043</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.052.839.181	234.872.399
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.339.979.394	7.552.059.644
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.554.649.177.411</b>	<b>1.834.030.193.492</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.352.270.045</b>	<b>43.589.528.162</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		23.352.270.045	43.589.528.162
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>430.011.591.119</b>	<b>395.416.740.672</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	93.853.906.838	82.695.690.602
- Nguyên giá	222		185.123.715.497	162.678.085.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.269.808.659)	(79.982.395.341)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	289.417.701.599	268.742.151.819
- Nguyên giá	228		308.347.990.197	280.712.169.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.930.288.598)	(11.970.017.612)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	46.739.982.682	43.978.898.251
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>7.655.042.500</b>	<b>7.655.042.500</b>
- Nguyên giá	241		7.655.042.500	7.655.042.500
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.039.337.505.205</b>	<b>1.358.635.417.265</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>10</b>	210.248.000.000	210.248.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	<b>11</b>	152.781.309.450	38.074.432.500
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>12</b>	703.813.646.913	1.113.616.318.099
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	<b>12</b>	(27.505.451.158)	(3.303.333.334)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>54.292.768.542</b>	<b>28.733.464.893</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	45.106.240.651	20.959.434.206
2. Ký quỹ bắt buộc	263		6.000.000.000	6.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.186.527.891	1.774.030.687
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.640.599.660.168</b>	<b>3.499.810.394.054</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU B01-DNBH**  
 Đơn vị: VNĐ

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.442.702.598.584</b>	<b>1.355.368.174.998</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>463.858.439.695</b>	<b>456.103.387.302</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	100.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		251.806.899.775	233.894.591.646
3. Người mua trả tiền trước	313		107.739.847.011	40.557.867.554
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	23.146.125.504	41.246.879.361
5. Phải trả người lao động	315		17.354.091.861	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		59.808.787.357	45.778.354.743
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.002.688.187	(5.374.306.002)
<b>II. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>330</b>	<b>15</b>	<b>978.686.990.159</b>	<b>899.109.987.696</b>
1. Dự phòng phí	331		642.325.349.977	595.143.412.219
2. Dự phòng bồi thường	332		168.180.397.171	141.011.636.374
3. Dự phòng dao động lớn	333		168.181.243.011	162.954.939.103
<b>III. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>157.168.730</b>	<b>154.800.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	343		157.168.730	154.800.000
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>2.197.897.061.584</b>	<b>2.144.442.219.056</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>2.197.897.061.584</b>	<b>2.144.442.219.056</b>
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		39.369.447.307	30.300.981.698
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		9.068.465.609	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		260.975.074.219	225.657.162.909
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>3.640.599.660.168</b>	<b>3.499.810.394.054</b>

**Vũ Thị Dung**  
 Người lập

**Nguyễn Phú Thủy**  
 Kế toán trưởng

**Lê Văn Thành**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MÃ B 02a-DNBH**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>	
<b>Thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>01</b>	<b>1.988.214.746.740</b>	<b>1.845.274.468.132</b>	
<b>Thu phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>02</b>	<b>172.834.567.654</b>	<b>167.840.471.857</b>	
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>03</b>	<b>(653.505.850.768)</b>	<b>(645.035.106.261)</b>	
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>04</i>	<i>(606.103.559.355)</i>	<i>(608.609.995.208)</i>	
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	<i>05</i>	<i>(1.238.926.747)</i>	<i>(755.622.439)</i>	
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	<i>06</i>	<i>(46.163.364.666)</i>	<i>(35.669.488.614)</i>	
Tăng dự phòng phí	08	(47.181.937.758)	(67.036.109.739)	
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09	79.797.245.693	78.048.030.869	
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10	1.086.609.283	204.620.159	
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>14</b>	<b>1.541.245.380.844</b>	<b>1.379.296.375.017</b>	
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15	(827.035.409.462)	(1.093.453.347.863)	
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16	(73.353.115.398)	(66.446.896.248)	
<b>Trừ các khoản khấu trừ</b>	<b>17</b>	<b>155.408.271.097</b>	<b>393.846.754.328</b>	
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>18</i>	<i>145.971.654.341</i>	<i>386.589.877.254</i>	
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	<i>19</i>	<i>8.540.193.855</i>	<i>6.030.011.029</i>	
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	<i>20</i>	<i>896.422.901</i>	<i>1.226.866.045</i>	
<b>Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại</b>	<b>21</b>	<b>(744.980.253.763)</b>	<b>(766.053.489.783)</b>	
Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	(40.000.000.000)	(38.000.000.000)	
Tăng dự phòng bồi thường	23	(27.168.760.740)	(13.538.408.520)	
Trích dự phòng dao động lớn	24	(45.226.303.908)	(41.042.395.012)	
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27	(188.794.780.259)	(169.223.354.523)	
Chi đòi người thứ ba	29	(36.662.984)	(56.859.469)	
Thu xử lý hàng bồi thường 100%	30	-	(13.457.363)	
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	(1.063.374.000)	(1.126.887.694)	
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	(10.275.017.287)	(10.777.986.182)	
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm....)	33	(478.446.670)	(5.182.612.296)	
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35	(40.986.358.805)	(33.044.526.222)	
<b>Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>41</b>	<b>(1.019.009.958.416)</b>	<b>(1.002.059.977.064)</b>	
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>42</b>	<b>522.235.422.428</b>	<b>377.236.397.953</b>	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	(505.486.144.448)	(413.139.698.245)	
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45	16.749.277.980	(35.903.300.292)	
Doanh thu hoạt động tài chính	46	17	276.468.164.306	241.726.870.096
Chi phí tài chính	47	18	(99.761.720.235)	(34.715.021.430)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51	176.706.444.071	207.011.848.666	
Thu nhập khác	52	1.178.461.189	1.857.259.776	
Chi phí khác	53	(221.906.829)	(167.136.289)	
Lợi nhuận khác	54	956.554.360	1.690.123.487	
Lợi nhuận trước thuế	55	194.412.276.411	172.798.671.861	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	19	(13.042.964.232)	(17.894.951.293)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>61</b>	<b>181.369.312.179</b>	<b>154.903.720.568</b>	

**Vũ Thị Dung**  
 Người lập

**Nguyễn Phú Thủy**  
 Kế toán trưởng

**Lê Văn Thành**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Phương pháp gián tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU B03-DNBH**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>194.412.276.411</b>	<b>172.798.671.861</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.301.443.928	15.593.038.156
Các khoản dự phòng	03	108.367.466.600	54.672.063.714
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(15.710.973.268)	(13.472.063.722)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(236.544.801.045)	(180.194.006.918)
Chi phí lãi vay	06	3.245.306.667	6.113.693.333
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>74.070.719.293</b>	<b>55.511.396.424</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(73.951.230.567)	(137.798.718.992)
Tăng hàng tồn kho	10	(648.198.118)	(1.206.278.668)
Tăng các khoản phải trả	11	96.816.155.522	147.470.251.073
Tăng chi phí trả trước	12	(22.801.044.030)	(11.709.862.953)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.245.306.667)	(6.113.693.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.116.882.600)	(20.209.442.975)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	78.426.628.673	757.005.747.859
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(108.562.152.359)	(870.677.210.331)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>17.988.689.147</b>	<b>(87.727.811.896)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(57.528.859.109)	(212.374.487.768)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	402.357.238	432.154.130
Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(1.339.674.765.530)	(1.901.205.397.346)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	1.449.377.980.814	1.862.819.487.805
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(114.706.876.950)	(152.599.712.929)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	138.935.404.852
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	236.159.626.055	263.207.691.604
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>174.029.462.518</b>	<b>(784.859.652)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	100.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.000.000.000)	-
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(190.600.000.000)</b>	<b>9.400.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>1.418.151.665</b>	<b>(79.112.671.548)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>159.355.358.482</b>	<b>224.995.966.308</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	395.906.779	13.472.063.722
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>161.169.416.926</b>	<b>159.355.358.482</b>

Vũ Thị Dung  
 Người lập

Nguyễn Phú Thủy  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Thành  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 30 tháng 3 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

***Hình thức sở hữu vốn***

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước, một công ty con và một công ty liên doanh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.806 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.811 người).

***Hoạt động kinh doanh chính***

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

***Cơ sở lập báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; do đó, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh trong báo cáo tài chính này. Các khoản đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 4 bên dưới.

***Năm tài chính***

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính :

***Ước tính kế toán***

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	5 - 25
Phương tiện vận tải	7 - 12
Máy móc thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

***Thuê hoạt động***

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

***Tài sản cố định vô hình và khấu hao***

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng của lô đất và quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

***Đầu tư vào công ty con***

Đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản đầu tư. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá đầu tư.

***Góp vốn liên doanh***

Khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tại ngày báo cáo tiếp theo, khoản góp vốn vào công ty liên doanh được trình bày theo nguyên giá gốc, trừ đi khoản giảm giá đầu tư.

***Các khoản đầu tư chứng khoán***

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

***Các khoản trả trước dài hạn***

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí hoa hồng chờ phân bổ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian mà Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Chi phí hoa hồng***

Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

***Ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

***Thuế***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Dự phòng nghiệp vụ***

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong năm tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Trong năm, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2009: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính.

***Các khoản dự phòng khác***

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính.

***Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu***

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập vào cuối năm tài chính.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	14.310.620.931	11.971.395.528
Tiền gửi ngân hàng	102.658.795.995	145.683.962.954
Tiền đang chuyển	-	700.000.000
Các khoản tương đương tiền	44.200.000.000	1.000.000.000
	<b><u>161.169.416.926</u></b>	<b><u>159.355.358.482</u></b>

Các khoản tiền tương đương thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>					
Tại ngày 1/1/2010	66.694.849.077	-	500.000.000	655.006.542.151	722.201.391.228
Tăng	48.487.913.016	25.500.000.000	70.020.000.000	996.000.000.000	1.140.007.913.016
Giảm	(114.388.457.114)	-	(70.520.000.000)	(655.000.000.000)	(839.908.457.114)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>794.304.979</b>	<b>25.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>996.006.542.151</b>	<b>1.022.300.847.130</b>

**DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Tại ngày 1/1/2010	7.782.793.860	-	-	-	7.782.793.860
Giảm dự phòng	(7.614.734.700)	-	-	-	(7.614.734.700)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>168.059.160</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>168.059.160</b>

**GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>626.245.819</b>	<b>25.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>996.006.542.151</b>	<b>1.022.132.787.970</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>58.912.055.217</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>655.006.542.151</b>	<b>714.418.597.368</b>

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Dụng cụ văn phòng VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2010	96.336.150.752	37.198.111.498	48.968.095	24.880.016.085	4.214.839.513	162.678.085.943
Tăng trong năm	-	5.730.795.455	15.772.727	1.517.650.223	95.302.873	7.359.521.278
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.904.363.014	-	-	4.198.752.812	313.977.611	17.417.093.437
Thanh lý, nhượng bán	-	(559.034.289)	-	(631.075.262)	(880.324.046)	(2.070.433.597)
Giảm khác	(260.551.564)	-	-	-	-	(260.551.564)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>108.979.962.202</b>	<b>42.369.872.664</b>	<b>64.740.822</b>	<b>29.965.343.858</b>	<b>3.743.795.951</b>	<b>185.123.715.497</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 1/1/2010	27.197.204.077	28.318.611.799	40.063.092	21.406.858.385	3.019.657.988	79.982.395.341
Khấu hao trong năm	6.341.938.574	4.167.224.625	5.061.981	2.136.965.974	689.981.788	13.341.172.942
Giảm do thanh lý	-	(559.034.289)	-	(631.075.262)	(863.650.073)	(2.053.759.624)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>33.539.142.651</b>	<b>31.926.802.135</b>	<b>45.125.073</b>	<b>22.912.749.097</b>	<b>2.845.989.703</b>	<b>91.269.808.659</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>75.440.819.551</b>	<b>10.443.070.529</b>	<b>19.615.749</b>	<b>7.052.594.761</b>	<b>897.806.248</b>	<b>93.853.906.838</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>69.138.946.675</b>	<b>8.879.499.699</b>	<b>8.905.003</b>	<b>3.473.157.700</b>	<b>1.195.181.525</b>	<b>82.695.690.602</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nhà cửa, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, dụng cụ văn phòng và các tài sản khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 43.975.300.755 đồng (tại ngày 31/12/2009: 35.910.191.494 đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	242.283.848.023	38.428.321.408	280.712.169.431
Tăng trong năm	-	35.000.000	35.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.201.538.200	12.590.892.566	27.792.430.766
Giảm khác (191.610.000)		-	(191.610.000)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>257.293.776.223</b>	<b>51.054.213.974</b>	<b>308.347.990.197</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	66.620.500	11.903.397.112	11.970.017.612
Khấu hao trong năm	279.408.475	6.680.862.511	6.960.270.986
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>346.028.975</b>	<b>18.584.259.623</b>	<b>18.930.288.598</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>256.947.747.248</b>	<b>32.469.954.351</b>	<b>289.417.701.599</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>242.217.227.523</b>	<b>26.524.924.296</b>	<b>268.742.151.819</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.353.529.997 đồng (tại ngày 31/12/2009: 35.000.000 đồng).

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	43.978.898.251	99.755.398.044
Tăng trong năm	50.134.337.831	201.752.285.790
Kết chuyển sang tài sản cố định	(45.209.524.203)	(257.528.785.583)
Giảm khác	(2.163.729.197)	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>46.739.982.682</b>	<b>43.978.898.251</b>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "BMSC") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 04 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,08% vốn điều lệ tương đương với 70,08% quyền biểu quyết.

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ tương đương với 48,45% quyền biểu quyết. Trong năm, UIC đã tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty đã góp bổ sung 114.706.876.950 đồng vào UIC để đảm bảo tỉ lệ sở hữu là 48,45%.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>				
Tại ngày 1/1/2010	270.643.895.060	415.543.655.068	427.428.767.971	1.113.616.318.099
Tăng	43.230.000.000	156.436.852.514	-	199.666.852.514
Giảm	(21.101.113.215)	(257.797.202.514)	(330.571.207.971)	(609.469.523.700)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>292.772.781.845</b>	<b>314.183.305.068</b>	<b>96.857.560.000</b>	<b>703.813.646.913</b>
<b>DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>				
Tại ngày 1/1/2010	3.303.333.334	-	-	3.303.333.334
Tăng	430.592.267	-	23.771.525.557	24.202.117.824
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>3.733.925.601</b>	<b>-</b>	<b>23.771.525.557</b>	<b>27.505.451.158</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>289.038.856.244</b>	<b>314.183.305.068</b>	<b>73.086.034.443</b>	<b>676.308.195.755</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>267.340.561.726</b>	<b>415.543.655.068</b>	<b>427.428.767.971</b>	<b>1.110.312.984.765</b>

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Cổ phiếu CTy CP Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu CTy CP Bảo Hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	34.790.000.000
Cổ phiếu CTy CP Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu CTy CP Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu CTy CP Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu Tổng CTy CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu CTy Địa Ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu CTy CP Cấp nước Thủ Đức	1.277.992.000	1.277.992.000
Cổ phiếu CTy Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	40.080.944.145	40.080.953.060
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	22.950.000.000	22.950.000.000
Cổ phiếu CTy CP TM & DV Dầu khí Vũng Tàu	232.529.700	21.333.650.000
Cổ phiếu Tổng CTy CP Rượu bia nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu CTy Tài chính Cổ phần Sông Đà	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu CTy Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	4.982.016.000	4.982.000.000
Cổ phiếu Tổng CTy Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	30.000.000.000
	<b>292.772.781.845</b>	<b>270.643.895.060</b>
Trái phiếu CTy Tài chính CP Sông Đà	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu CTy CP Hồng Hà Dầu Khí	50.000.000.000	-
Trái phiếu CTy CP Sông Đà Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu Tổng CTy Điện lực Việt Nam	84.199.678.082	84.199.678.082
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin)	67.000.000.000	-
Trái phiếu Tổng CTy Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	3.000.000.000
Trái phiếu Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	-	3.000.000.000
Trái phiếu Kho bạc Bến Tre	-	500.000.000
Trái phiếu Chính phủ	62.983.626.986	274.843.976.986
	<b>314.183.305.068</b>	<b>415.543.655.068</b>

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn từ trên 1 năm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.393.323.449	2.167.437.336
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	36.457.127.704	13.781.774.965
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.255.789.498	5.010.221.905
	<b><u>45.106.240.651</u></b>	<b><u>20.959.434.206</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	16.028.752.395	24.885.992.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.550.010.207	10.623.928.575
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	5.567.362.902	5.736.958.560
	<b><u>23.146.125.504</u></b>	<b><u>41.246.879.361</u></b>

**15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	Dự phòng phí <u>VNĐ</u>	Dự phòng bồi thường <u>VNĐ</u>	Dự phòng dao động lớn <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Số dư tại ngày 1/1/2009	528.107.302.480	127.473.227.854	159.912.544.091	815.493.074.425
Số trích lập trong năm	67.036.109.739	13.538.408.520	41.042.395.012	121.616.913.271
Số sử dụng trong năm	-	-	(38.000.000.000)	(38.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>595.143.412.219</b>	<b>141.011.636.374</b>	<b>162.954.939.103</b>	<b>899.109.987.696</b>
Số trích lập trong năm	47.181.937.758	27.168.760.797	45.226.303.908	119.577.002.463
Số sử dụng trong năm	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b><u>642.325.349.977</u></b>	<b><u>168.180.397.171</u></b>	<b><u>168.181.243.011</u></b>	<b><u>978.686.990.159</u></b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ <u>VNĐ</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VNĐ</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VNĐ</u>	Quỹ dự trữ bắt buộc <u>VNĐ</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Số dư tại ngày 1/1/2009	755.000.000.000	1.133.484.074.449	193.393.899.922	22.575.082.106	-	2.104.453.056.477
Lợi nhuận trong năm	-	-	154.903.720.568	-	-	154.903.720.568
Điều chỉnh lợi nhuận tăng	-	-	6.508.444.819	-	-	6.508.444.819
Cô tức đã trả	-	-	(90.600.000.000)	-	-	(90.600.000.000)
Lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	(7.725.899.592)	7.725.899.592	-	-
Phân phối quỹ	-	-	(30.823.002.808)	-	-	(30.823.002.808)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b><u>755.000.000.000</u></b>	<b><u>1.133.484.074.449</u></b>	<b><u>225.657.162.909</u></b>	<b><u>30.300.981.698</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.144.442.219.056</u></b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	181.369.312.179	-	-	181.369.312.179
Cô tức đã trả	-	-	(90.600.000.000)	-	-	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	(18.136.931.218)	9.068.465.609	9.068.465.609	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	(35.449.819.114)	-	-	(35.449.819.114)
Chi khác	-	-	(1.864.650.537)	-	-	(1.864.650.537)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b><u>755.000.000.000</u></b>	<b><u>1.133.484.074.449</u></b>	<b><u>260.975.074.219</u></b>	<b><u>39.369.447.307</u></b>	<b><u>9.068.465.609</u></b>	<b><u>2.197.897.061.584</u></b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2010/BM/ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2010, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cô tức năm 2009 với số tiền là 90.600.000.000 đồng (12%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc tạm trích các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu trích lập các quỹ từ lợi nhuận sẽ được phê duyệt chính thức bởi các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng.

Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	75.500.000	75.500.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	75.500.000	75.500.000
Mệnh giá (VNĐ)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VNĐ	%	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tổng Cty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70%	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65%	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	42.532.000.000	5,63%	42.532.000.000	42.532.000.000
Tổng Công ty Sông Đà	24.304.000.000	3,22%	24.304.000.000	24.304.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	19.784.800.000	2,62%	19.784.800.000	19.784.800.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Hóa Chất VN	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Cty CP XNK Xây dựng Việt Nam	12.152.000.000	1,61%	12.152.000.000	12.152.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80%	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Thành An	4.340.000.000	0,57%	4.340.000.000	4.340.000.000
CBNV Bảo Minh và cổ đông bên ngoài	<u>94.791.200.000</u>	<u>12,57%</u>	<u>94.791.200.000</u>	<u>94.791.200.000</u>
	<b><u>755.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>755.000.000.000</u></b>	<b><u>755.000.000.000</u></b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.454.122.582	119.089.671.732
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	29.347.255.681	34.240.827.162
Cổ tức, lợi nhuận được chia	91.025.116.916	28.243.355.241
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.008.728.969	49.457.157.597
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	299.809.282	6.275.379.053
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<u>2.333.130.876</u>	<u>4.420.479.311</u>
	<b><u>276.468.164.306</u></b>	<b><u>241.726.870.096</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	3.245.306.667	6.625.315.538
Chi phí quản lý phòng đầu tư	27.958.979.140	22.394.328.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.669.762.729	32.986.293.331
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	16.587.383.124	(42.719.110.002)
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	23.509.969.595	15.323.495.976
Chi phí tài chính khác	790.318.980	104.697.779
	<u><b>99.761.720.235</b></u>	<u><b>34.715.021.430</b></u>

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2010			2009
	Hoạt động chính <u>VNĐ</u>	Hoạt động khác <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	193.455.722.051	956.554.360	194.412.276.411	172.798.671.861
Trừ: Thu nhập cố tức không chịu thuế	(91.025.116.916)	-	(91.025.116.916)	(28.243.355.241)
Thu nhập chịu thuế	<u>102.430.605.135</u>	<u>956.554.360</u>	<u>103.387.159.495</u>	<u>144.555.316.620</u>
Thuế suất áp dụng	12,5%	25%		12,50%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>12.803.825.642</b></u>	<u><b>239.138.590</b></u>	<u><b>13.042.964.232</b></u>	<u><b>17.894.951.293</b></u>

Theo Công văn trả lời số 3749/TCT-TTHT ngày 9 tháng 4 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 - 2006, thì Tổng Công ty tiếp tục được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm 2010 và 2011. Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm 2010 là 12,5%. Đối với thu nhập từ hoạt động khác thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**20. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>16.700.529.919</u>	<u>21.524.916.384</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	12.524.445.514	20.539.953.680
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	14.244.713.279	28.261.183.606
Sau năm năm	<u>1.124.425.280</u>	<u>1.010.903.040</u>
	<u><b>27.893.584.073</b></u>	<u><b>49.812.040.326</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất, văn phòng và đường truyền internet với tiền thuê hàng tháng từ 500.000 đồng đến 292.585.541 đồng với thời hạn từ 1 năm tới 40 năm.

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
<b>Thu nhập</b>		
Cổ tức nhận từ BMSC	10.478.900.000	10.466.400.000
Cổ tức nhận từ UIC	59.654.252.048	-
Tiền thuê văn phòng từ BMSC	<u>1.068.833.334</u>	<u>1.650.000.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Tổng Công ty nhờ BMSC trả cổ tức	<u>757.677.600</u>	<u>1.518.667.700</u>
<b>Góp vốn</b>		
Góp bổ sung vốn vào UIC	<u>114.706.876.950</u>	<u>-</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính:

	31/12/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tiền thuê văn phòng từ BMSC	<u>714.286.930</u>	<u>563.493.920</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2010 <u>VND</u>	2009 <u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>5.203.807.451</u>	<u>4.180.148.558</u>

**22. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn 8667/BCT-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã tính toán và nộp phần thuế không được miễn đồng thời đang tiến hành thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Theo hướng dẫn Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu của năm kế toán hiện hành.

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

---

**Vũ Thị Dung**  
Người lập

---

**Nguyễn Phú Thủy**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Văn Thành**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2011